

Số: /QĐ-PC08

Nghệ An, ngày 17 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; Xét đề nghị của đồng chí Đội trưởng Đội Sát hạch, cấp Giấy phép lái xe.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe ô tô cho tổng số: 577 thí sinh hạng B, C1, C (có danh sách thí sinh dự thi kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày 20/7/2026 tại Trung tâm Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ số 1 Nghệ An, địa chỉ: xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (có mã QR kèm theo).

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí Thượng tá Nguyễn Hàm Thắng, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Chủ tịch Hội đồng;

2. Đồng chí Thượng tá Phạm Văn Lực, Chức vụ: Đội trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng;

3. Ông Nguyễn Sỹ Hạ, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ số 1 Nghệ An, Ủy viên Hội đồng;

4. Đồng chí Đại úy Lê Cảnh Đức, Chức vụ: Cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Thư ký.

5. Các sát hạch viên (có danh sách kèm theo).

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại các Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đ/c Giám đốc
 - Đ/c PGĐ Phụ trách
 - Cục C08 BCA
- } (để báo cáo)
- Như Điều 4 (để thực hiện);
 - Lưu: VT, PC08(Lục).



TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Lê Thanh Nghị

DANH SÁCH SÁT HẠCH VIÊN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-PC08 ngày /7/2026 của Phòng CSGT)

TT	CẤP BẬC, HỌ TÊN	NHIỆM VỤ
1	Thượng tá Phạm Văn Lực	Sát hạch viên
2	Trung tá Bùi Thái Cường	Sát hạch viên
3	Trung tá Vũ Minh Phương	Sát hạch viên
4	Trung tá Nguyễn Quốc Phúc	Sát hạch viên
5	Trung tá Đặng Trọng Quang	Sát hạch viên
6	Trung tá Phạm Công Thành	Sát hạch viên
7	Trung tá Bùi Thanh Sơn	Sát hạch viên
8	Trung tá Lê Văn Hùng	Sát hạch viên
9	Thiếu tá Nguyễn Ngọc Tú	Sát hạch viên
10	Thiếu tá Hoàng Quốc Đạt	Sát hạch viên
11	Thiếu tá Nguyễn Việt Cường	Sát hạch viên
12	Thiếu tá Nguyễn Quốc Anh	Sát hạch viên
13	Đại úy Nguyễn Văn Phương	Sát hạch viên
14	Đại úy Nguyễn Tuấn Anh	Sát hạch viên
15	Thượng úy Trần Thiện Hoàng	Sát hạch viên

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE
(Kèm theo Quyết định số: 1674/QĐ-PC08 ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Phòng Cảnh sát giao thông)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
1	ĐẬU THỊ AN	19/05/1986	*****72	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		001497
2	LÊ THỊ THANH AN	25/12/2003	*****03	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003149
3	NGUYỄN HÀ AN	12/06/2006	*****29	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003197
4	BÙI TRẦN AN	01/12/2004	*****39	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x		003051
5	NGUYỄN CẢNH ANH	12/02/2000	*****38	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002344
6	LƯƠNG QUYỀN ANH	17/10/1992	*****92	Xã Sơn Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001230
7	TRẦN THỊ VÂN ANH	06/09/1997	*****21	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001486
8	ĐẬU THỊ VÂN ANH	27/05/1992	*****76	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		002702
9	NGUYỄN THỊ ANH	21/12/1977	*****51	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001631
10	HOÀNG KỶ ANH	24/12/1998	*****94	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001942
11	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	21/08/1983	*****39	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		001876
12	PHẠM THỊ NGỌC ANH	15/05/1997	*****71	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004221
13	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	22/10/2006	*****22	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003982
14	PHAN NGỌC ANH	17/04/1985	*****50	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003084
15	BÙI THỊ LAN ANH	25/05/2003	*****29	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003116

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
16	CAO NHƯ ANH	10/10/2006	*****82	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002888
17	NGUYỄN HOÀNG ANH	19/01/2001	*****58	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003816
18	HỒ THIÊN ANH	16/06/1982	*****25	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		003826
19	NGUYỄN HỒNG ANH	18/02/2008	*****41	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003705
20	PHAN TUẤN ANH	21/04/2000	*****02	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003552
21	NGUYỄN VĂN VIỆT ANH	27/05/2004	*****18	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		
22	PHAN THỊ NGỌC ÁNH	26/04/1994	*****70	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		006953
23	VĂN THỊ NGỌC ÁNH	14/08/2004	*****60	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003338
24	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	18/12/2001	*****05	Xã An Phú, Thành Phố Hải Phòng	x	A1	003150
25	TRẦN DUY BÁCH	15/09/1996	*****76	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003811
26	BÙI GIA BẢO	31/10/2007	*****70	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		003511
27	NGUYỄN VŨ THIÊN BẢO	31/12/2007	*****40	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003443
28	DƯƠNG QUỐC BẢO	20/01/2000	*****90	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		
29	PHẠM VĂN BẮC	10/06/1989	*****70	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006575
30	PHAN HUY BẰNG	30/04/1994	*****19	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		004031
31	NGUYỄN THỊ BÌNH	26/11/1982	*****60	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007397
32	HÀ THỊ BÌNH	19/03/2005	*****01	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		002294

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
33	LÊ THĂNG BÌNH	27/03/1979	*****97	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		00248
34	PHAN THỊ BÌNH	25/05/1982	*****79	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A.03	003085
35	NGUYỄN DUY CẢNH	12/07/2000	*****7	Xã Liên Minh, Thành Phố Hà Nội	x		001701
36	TRẦN THỊ CẢNH	03/02/1991	*****78	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003706
37	HÀ DUY CAO	09/03/2007	*****91	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001104
38	BÙI VĂN CÔNG	20/07/1999	*****56	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		002753
39	NGÔ VĂN CÔNG	11/09/1996	*****58	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003708
40	TRẦN THỊ CÚC	24/03/1985	*****99	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003155
41	HOÀNG THỊ CÚC	14/04/1988	*****16	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		003003
42	PHAN VĂN CƯỜNG	10/01/1973	*****85	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x		002889
43	HOÀNG VĂN CƯỜNG	05/08/1982	*****79	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		001870
44	VŨ VIỆT CƯỜNG	01/01/1998	*****37	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002754
45	NGUYỄN CAO CƯỜNG	12/02/1979	*****54	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		003377
46	TRƯỜNG VĂN CƯỜNG	14/06/1996	*****19	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003254
47	HỒ NGỌC CƯỜNG	27/03/1987	*****38	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		003446
48	ĐẶNG QUỐC CƯỜNG	24/06/1999	*****89	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		002935
49	ĐẶNG HỮU CƯỜNG	16/04/1985	*****08	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x		002934

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
50	HOÀNG THỊ CHÂU	12/05/1994	*****79	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00480
51	PHAN THỊ BẢO CHÂU	11/05/2007	*****78	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		003039
52	CAO PHAN BẢO CHI	25/02/2004	*****04	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001830
53	NGUYỄN THỊ CHI	20/07/1986	*****14	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		007901
54	TRẦN NGUYỄN TRÂM CHI	19/09/2004	*****54	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002807
55	NGUYỄN THỊ KIM CHI	19/08/2003	*****30	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002835
56	CAO THỊ CHI	09/08/1991	*****25	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003151
57	NGUYỄN TRUNG CHIẾN	15/05/1990	*****30	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001812
58	TRẦN QUỐC CHIẾN	30/03/1995	*****27	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	00258
59	NGUYỄN XUÂN CHIẾN	19/03/1995	*****33	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x		003803
60	VÕ VĂN CHÍNH	16/04/1997	*****79	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		00163
61	TRẦN ĐÌNH CHUẨN	16/06/1995	*****44	Xã Đức Minh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		00142
62	NGUYỄN THỊ CHUNG	07/10/1994	*****69	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		002325
63	NGUYỄN VIỆT CHUNG	19/04/1976	*****39	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002346
64	BÙI VĂN CHUNG	10/10/1993	*****85	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001249
65	TRẦN THỊ CHUNG	22/05/1999	*****69	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	003086
66	TRẦN THỊ CHUNG	10/01/1995	*****29	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003087

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
67	ĐẬU ĐỨC CHUÔNG	15/11/1974	*****70	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003707
68	NGUYỄN XUÂN DANH	07/07/1993	*****53	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		002221
69	ĐẶNG THỊ DIỄN	25/09/1991	*****97	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001853
70	LÊ VĂN DIỆU	17/07/1995	*****85	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003562
71	HOÀNG MINH DƯỠN	02/06/1999	*****64	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003563
72	TRẦN THỊ DUNG	22/01/1995	*****60	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007175
73	PHAN THỊ DUNG	03/03/1990	*****84	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	003239
74	TRẦN THỊ DUNG	13/10/1987	*****72	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003240
75	NGUYỄN YÊN DỪNG	11/06/1981	*****34	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00981
76	TRỊNH VĂN DỪNG	20/06/1993	*****96	Xã Cờ Đỏ, Thành Phố Cần Thơ	x		001703
77	NGUYỄN MẠNH DỪNG	07/08/1986	*****31	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A.01	002859
78	TRẦN VĂN DỪNG	15/03/1989	*****26	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003629
79	TRƯƠNG QUANG DỪNG	17/10/2006	*****05	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		004229
80	LÊ VĂN DỪNG	02/01/2008	*****96	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003711
81	PHẠM HỮU DỪNG	03/07/1984	*****57	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A.03	002940
82	TRẦN CÔNG DUY	08/02/1997	*****95	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		003402
83	UÔNG THỊ DUYÊN	19/08/1993	*****37	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002433

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
84	NGUYỄN THỊ DUYÊN	20/09/1983	*****42	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002861
85	NGUYỄN QUANG ĐẠI	04/10/2007	*****42	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001385
86	TRẦN THẾ ĐẠI	09/06/1991	*****09	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00572
87	HOÀNG VĂN ĐẠO	09/10/1971	*****55	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003845
88	NGUYỄN BÁ ĐẠT	03/02/2001	*****95	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00823
89	LÊ THÀNH ĐẠT	30/04/2003	*****21	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002347
90	VŨ ĐÌNH THÁI THÀNH ĐẠT	27/01/2005	*****34	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		00692
91	NGUYỄN DOÃN THÀNH ĐẠT	23/05/2003	*****62	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		005016
92	VŨ THẾ ĐẠT	20/01/1994	*****50	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		003667
93	HỒ VĂN ĐẠT	10/06/1991	*****47	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003800
94	VŨ THÀNH ĐẠT	01/08/2002	*****85	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003186
95	ĐẬU XUÂN ĐẠT	23/12/2000	*****59	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003238
96	VŨ VĂN ĐẠT	24/05/2004	*****91	Xã Thiên Nhãn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003447
97	NGUYỄN HỮU ĐĂNG	21/07/2003	*****15	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002936
98	ĐẶNG NGỌC ĐỀ	27/03/1993	*****56	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x	A.03	003827
99	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	06/04/1993	*****12	Xã Hải Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		005712
100	NGUYỄN THANH ĐỈNH	02/09/1991	*****67	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003828

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
101	HỒ SỸ ĐÔNG	18/08/1987	*****61	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		002073
102	TRẦN ĐÌNH ĐỒNG	26/03/1983	*****38	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003709
103	NGUYỄN HỮU HỒNG ĐỨC	21/05/2001	*****14	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		006616
104	PHAN VĂN ĐỨC	10/06/1993	*****35	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003710
105	NGUYỄN VĂN ĐỨC	12/09/1986	*****00	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003564
106	VÕ VĂN ĐỨC	02/10/1996	*****43	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	002939
107	HOÀNG MINH ĐỨC	08/04/2001	*****87	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002462
108	NGUYỄN ĐỨC ĐƯỜNG	14/01/1977	*****87	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001527
109	PHAN ĐỨC HỒNG GẮM	21/05/1980	*****41	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		002942
110	NGUYỄN THỊ HÀ GIANG	17/08/2001	*****44	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001988
111	NGŨ THỊ GIANG	16/01/2004	*****85	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		002327
112	TRẦN THỊ GIANG	20/02/1997	*****75	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005522
113	NGUYỄN THỊ GIANG	06/06/2002	*****38	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003515
114	TRẦN HƯƠNG GIANG	24/08/2004	*****73	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003152
115	ĐINH TRỌNG GIANG	02/02/2003	*****24	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002943
116	CAO KHẮC GIÁP	28/05/1974	*****67	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001935
117	PHẠM THỊ HÀ	25/06/2000	*****61	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002348

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
118	ĐẶNG HẢI HÀ	09/02/1995	*****84	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00101
119	NGUYỄN ĐÌNH HÀ	09/11/1987	*****69	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x		001846
120	TRẦN THỊ NGỌC HÀ	16/06/1995	*****46	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001563
121	NGUYỄN THỊ HÀ	15/10/1998	*****52	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		002298
122	NGÔ THỊ HÀ	06/02/1981	*****29	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		006942
123	HOÀNG SƠN HÀ	10/08/1976	*****50	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007062
124	HỒ THỊ HÀ	04/10/1998	*****78	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003088
125	NGUYỄN ĐÌNH HÀ	10/06/1989	*****54	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		002913
126	TRẦN HƯNG HẢI	20/01/2007	*****97	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		007821
127	TRẦN THỊ HẢI	12/11/1992	*****96	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		003089
128	TRƯƠNG THỊ HẢI	10/10/1985	*****47	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		003819
129	TRẦN QUANG HẢI	12/10/1993	*****80	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002944
130	TRẦN THỊ MINH HẠNH	06/11/2002	*****91	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		001176
131	ĐÌNH VĂN HẠNH	01/03/1995	*****85	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006198
132	ĐẶNG THỊ HẠNH	10/08/1994	*****43	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002812
133	PHẠM THỊ HẠNH	25/05/1988	*****89	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003189
134	TRẦN VĂN HÀO	10/11/1992	*****77	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002892

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
135	TRẦN HÙNG HẢO	22/02/2008	*****27	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003713
136	NGUYỄN THỊ HẰNG	08/02/1972	*****84	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001059
137	NGUYỄN THỊ HẰNG	20/08/1983	*****32	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00850
138	NGUYỄN THỊ HẰNG	10/06/1999	*****70	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x		003780
139	ĐÀO THỊ HẰNG	20/06/1993	*****42	Xã Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh	x		003530
140	CHU THỊ HẰNG	18/10/1990	*****22	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		002572
141	NGUYỄN THỊ HIỀN	05/02/1998	*****54	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002615
142	TRƯƠNG THỊ HIỀN	05/05/1991	*****83	Xã Cẩm Tú, Tỉnh Thanh Hóa	x		001725
143	NGUYỄN THỊ HIỀN	20/12/1983	*****40	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		003923
144	LÊ THỊ HIỀN	10/05/1992	*****79	Xã Trường Lâm, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	001505
145	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	27/03/1979	*****01	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006595
146	TRẦN THỊ THU HIỀN	14/06/1985	*****44	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00323
147	NGUYỄN HÀM HIỀN	03/07/1990	*****47	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		003213
148	LÊ THỊ HIỀN	23/04/1997	*****86	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003302
149	NGUYỄN THỊ HIỀN	06/04/1991	*****83	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		003090
150	NGUYỄN THỊ HIỀN	22/01/1995	*****43	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002814
151	BÙI THỊ BÍCH HIỀN	23/03/1981	*****89	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		002813

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
152	HOÀNG THỊ HIỀN	27/08/1997	*****93	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003153
153	NGUYỄN THỊ HIỀN	24/04/1994	*****74	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003788
154	VÕ PHAN HIỀN	02/05/1985	*****77	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003452
155	HOÀNG ĐÌNH HIỀN	10/08/1993	*****85	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		002077
156	VŨ DUY HIỆN	28/04/1980	*****69	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	00752
157	HỒ VĂN HIỆP	27/07/1993	*****93	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003714
158	PHẠM VĂN HIẾU	26/11/2001	*****46	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		005730
159	NGUYỄN MINH HIẾU	21/07/1993	*****13	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001944
160	HOÀNG MINH HIẾU	28/10/2002	*****63	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002050
161	BÙI TRUNG HIẾU	04/01/2007	*****41	Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An	x		006314
162	LÊ KHẮC HIẾU	01/12/1991	*****89	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		003256
163	PHẠM TRUNG HIẾU	27/09/2002	*****10	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003715
164	HỒ THỊ HOA	10/04/1995	*****80	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00940
165	VƯƠNG VĂN HOA	02/09/1981	*****73	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003320
166	LÊ THỊ HOA	04/05/1986	*****61	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001919
167	PHAN THỊ HOA	10/09/1989	*****61	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00543
168	NGUYỄN THỊ HOA	16/07/1992	*****11	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003091

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Sổ chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
169	TRẦN THỊ HOA	16/06/1992	*****23	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003154
170	TRẦN THỊ HOA	09/09/1998	*****28	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		003876
171	VÕ THỊ HÒA	15/10/1982	*****11	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		001589
172	ĐINH VĂN HÒA	20/10/1990	*****95	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		007345
173	NGUYỄN THỊ HÒA	16/03/1989	*****80	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003092
174	TRẦN VĂN HÓA	11/01/1990	*****99	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003835
175	KIM CÔNG HOÀI	06/11/1985	*****19	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001835
176	NGUYỄN THỊ HOÀI	01/05/1990	*****71	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		002660
177	ĐẶNG THỊ HOÀI	05/11/2000	*****75	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001091
178	NGUYỄN THỊ HOÀI	05/01/1985	*****34	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002653
179	ĐỒNG THỊ HOÀI	20/01/1996	*****74	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003093
180	NGÔ VĂN HOAN	20/12/1993	*****37	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003241
181	VŨ VĂN HOAN	08/04/1984	*****09	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003565
182	LÊ VĂN HOÀN	10/04/1985	*****27	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		003540
183	HỒ VĂN HOÀN	08/06/2003	*****98	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003242
184	LÊ KHẮC HOÀNG	19/05/2003	*****70	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001235
185	ĐẶNG KHẮC HOÀNG	24/08/1987	*****10	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002349

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
186	TRẦN MINH HOÀNG	17/11/2007	*****22	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		001022
187	HỒ XUÂN HOÀNG	13/08/2003	*****19	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003453
188	PHAN XUÂN HOÀNG	19/03/2001	*****94	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001471
189	HỒ TRỌNG HOẠT	09/09/2003	*****87	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003820
190	PHAN THỊ HÒE	20/10/1991	*****98	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		003132
191	NGUYỄN THỊ NGỌC HỒNG	29/01/2005	*****42	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001350
192	TRƯƠNG THỊ HỒNG	20/11/1987	*****13	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001567
193	NGUYỄN THỊ HỒNG	05/09/1990	*****10	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003094
194	BÙI THỊ HỒNG	29/03/2000	*****70	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		002816
195	NGUYỄN THỊ HỒNG	29/04/1999	*****08	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003156
196	LÊ THỊ HỒNG	01/01/1991	*****06	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x		003716
197	TRẦN THỊ HỘI	21/08/1995	*****36	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003155
198	HOÀNG THỊ HỢP	15/05/1979	*****33	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001304
199	PHAN XUÂN HỢP	10/10/1976	*****34	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x		00145
200	TẶNG THỊ HUỆ	07/02/1984	*****66	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		002817
201	HỒ THỊ HUỆ	01/07/2001	*****96	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001778
202	NGUYỄN THỊ HUỆ	17/10/2001	*****24	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		002799

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
203	TRẦN THỊ THU HUỆ	08/05/1994	*****44	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003096
204	PHẠM THỊ HUỆ	12/07/1991	*****21	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003095
205	PHẠM THỊ KIM HUỆ	17/07/2004	*****15	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003157
206	HỒ TRỌNG HÙNG	16/06/1961	*****24	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x		001615
207	NGUYỄN HỮU HÙNG	10/02/1997	*****27	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		005771
208	HOÀNG QUỐC HÙNG	25/07/1995	*****96	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006751
209	TRẦN MINH HÙNG	03/03/1987	*****11	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		001939
210	PHẠM VĂN HÙNG	06/09/2002	*****82	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002837
211	NGUYỄN CẢNH HÙNG	24/05/1974	*****74	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006967
212	PHẠM ĐÌNH HÙNG	29/04/1986	*****98	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		003378
213	TRẦN MẠNH HÙNG	20/12/2003	*****81	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003457
214	LÊ THỊ HUY	12/10/1991	*****87	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		002010
215	ĐÀO LÊ QUANG HUY	07/04/2003	*****61	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x		005075
216	NGÔ QUỐC HUY	18/06/2007	*****88	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		007370
217	NGUYỄN VĂN HUY	03/08/1979	*****09	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003097
218	PHẠM VĂN HUY	17/08/2004	*****88	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		002898
219	NGUYỄN BÁ HUY	04/09/1997	*****34	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003813

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
220	TRẦN VĂN HUY	21/02/1997	*****82	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003934
221	NGUYỄN THỊ HUYỀN	01/10/1991	*****84	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007593
222	TRẦN THỊ HUYỀN	18/08/2000	*****70	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x		002655
223	NGUYỄN THỊ HUYỀN	13/07/1998	*****62	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		002169
224	NGÔ THỊ HUYỀN	15/01/1997	*****80	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003098
225	TRẦN THỊ HUYỀN	10/03/1988	*****44	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	003158
226	PHAN THỊ HUYỀN	10/01/1996	*****36	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		002865
227	HỒ THỊ HUYỀN	08/04/1998	*****22	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003996
228	ĐẶNG THỊ THANH HUYỀN	13/09/1989	*****25	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007876
229	NGUYỄN VĂN HÙNG	23/11/2001	*****76	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		00164
230	PHAN XUÂN TRẦN HÙNG	15/01/2006	*****00	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		005830
231	NGUYỄN VĂN HÙNG	10/10/1966	*****55	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		003133
232	LÊ MẠNH HÙNG	10/03/1982	*****98	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003829
233	ĐÀO THỊ HƯƠNG	12/12/2000	*****20	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002725
234	CHU HOÀI HƯƠNG	02/01/2002	*****94	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002594
235	NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG	11/04/2002	*****34	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002694
236	BÙI THỊ LAN HƯƠNG	20/08/1992	*****99	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		003118

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
237	LÊ THỊ THANH HUƠNG	20/12/2005	*****28	Xã Tân Lập, Tỉnh Quảng Trị	x	A1	003527
238	TRỊNH XUÂN HƯỜNG	10/07/1970	*****82	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002498
239	NGUYỄN VĂN HỮU	15/08/1996	*****55	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		001746
240	NGUYỄN DUY KIÊN	22/03/2002	*****81	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002351
241	NGUYỄN ĐÌNH KIÊN	29/11/1980	*****42	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		00986
242	TRẦN VĂN KIÊN	18/12/2007	*****03	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003243
243	HỒ TRỌNG KIÊN	04/04/1982	*****86	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		003458
244	PHẠM TRUNG KIÊN	12/08/2002	*****68	Xã Quỳnh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003566
245	NGUYỄN THỊ KIỀU	13/09/1984	*****39	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001991
246	NGUYỄN TRUNG KIỂU	10/10/1975	*****55	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		003841
247	PHẠM THỊ KIM	02/02/1971	*****15	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007410
248	HỒ VĂN KHAM	24/06/1991	*****90	Xã Đakrông, Tỉnh Quảng Trị	x		001438
249	NGUYỄN NAM KHÁNH	01/03/2006	*****24	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004230
250	NGUYỄN VĂN KHÁNH	10/05/1989	*****94	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002945
251	NGUYỄN ĐÌNH KHOA	20/10/1979	*****37	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		003259
252	NGUYỄN ĐÌNH KHOA	20/08/1990	*****88	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		002946
253	PHẠM THỊ KHUYẾN	12/02/1989	*****54	Phường Trúc Lâm, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	003135

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
254	NGUYỄN THỊ LÀI	10/06/1994	*****66	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003100
255	NGUYỄN VĂN LÃM	13/10/1991	*****04	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003720
256	HỒ THỊ LAN	12/06/1993	*****07	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		001592
257	NGUYỄN THỊ LAN	22/02/1990	*****74	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		002455
258	NGUYỄN THỊ HOA LAN	14/04/1974	*****24	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		003011
259	TRẦN THỊ HƯƠNG LAN	25/06/2000	*****83	Xã Gia Trấn, Tỉnh Ninh Bình	x		003159
260	TRẦN THỊ LAN	14/10/1989	*****56	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		003138
261	TRẦN CÔNG LÂM	12/05/2007	*****18	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003719
262	BÙI KHÁNH LÂM	19/06/2008	*****53	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		
263	NGÔ THỊ LÂN	16/08/1980	*****77	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003101
264	TRẦN THANH LẬP	11/02/1991	*****54	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		004300
265	NGUYỄN BÁ LIÊM	15/11/1989	*****26	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		003637
266	NGUYỄN VĂN LIÊM	24/05/1990	*****83	Xã Hải Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003459
267	LƯƠNG THỊ LIÊN	20/05/1989	*****73	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		002819
268	NGUYỄN THỊ LIÊN	15/01/1996	*****03	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003160
269	BÙI TRẦN BẢO LINH	25/01/2007	*****87	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		00605
270	VÕ KHÁNH LINH	07/04/2005	*****25	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005759

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
271	HOÀNG MAI LINH	13/06/2007	*****52	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007565
272	NGUYỄN DIỆU LINH	28/07/2007	*****45	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		00606
273	VŨ NGỌC LINH	19/09/1998	*****94	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003119
274	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	17/09/2001	*****12	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		002839
275	TRẦN ĐỨC LINH	22/07/1976	*****17	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A.03	003161
276	LÊ THỊ MỸ LINH	11/11/1997	*****87	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003722
277	NGUYỄN THỊ THUY LINH	04/06/2007	*****48	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003892
278	ĐINH VĂN LĨNH	10/02/1994	*****19	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007854
279	NGUYỄN THỊ MAI LOAN	12/09/1990	*****94	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001751
280	NGUYỄN THỊ SONG LOAN	15/05/1984	*****54	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003925
281	HỒ THỊ LOAN	15/07/1998	*****81	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003139
282	NGUYỄN THỊ LOAN	08/04/1987	*****75	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x		003162
283	MAI THỊ KIỀU LOAN	29/10/1990	*****96	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003723
284	BÙI THỊ LOAN	06/02/1993	*****10	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		
285	NGÔ THÀNH LONG	08/03/1997	*****25	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001914
286	TRẦN HOÀNG LONG	13/03/2001	*****45	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002359
287	HÀ VĂN LONG	15/08/2002	*****70	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002919

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
288	HOÀNG VĂN LỢI	30/12/2001	*****00	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00177
289	LÊ THANH LUÂN	23/06/1989	*****12	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003436
290	PHẠM QUỐC LUẬT	28/02/2002	*****85	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		003554
291	ĐINH TRỌNG LUYỆN	14/07/1968	*****12	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001809
292	NGUYỄN TIẾN LỰC	07/08/2001	*****11	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003203
293	HOÀNG VĂN LỰC	15/12/1981	*****58	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		002042
294	CAO VĂN LỰC	01/07/1996	*****40	Xã Hải Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002874
295	LÊ ĐÌNH LỰC	05/08/1996	*****52	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		003567
296	LÊ VĂN LƯƠNG	06/06/1998	*****78	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		00256
297	HỒ THỊ LƯƠNG	20/07/1984	*****51	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A.03	003335
298	TRẦN THỊ LƯƠNG	12/08/1988	*****67	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003102
299	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	21/08/1994	*****44	Xã Thiên Nhãn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002820
300	NGUYỄN THỊ LÝ	22/08/1979	*****61	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006598
301	LÊ THỊ LÝ	01/07/1995	*****94	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x		001644
302	TRẦN THỊ HẢI LÝ	16/10/1989	*****47	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003104
303	ĐINH THỊ LÝ	22/05/1996	*****30	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x		001417
304	LÊ THỊ LÝ	14/02/1999	*****79	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003103

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
305	PHẠM THỊ LÝ	19/02/1995	*****81	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003163
306	VI VĂN MA	01/03/1987	*****12	Xã Nga My, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00182
307	HOÀNG THỊ MAI	06/09/1994	*****49	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		007166
308	THÁI THỊ HOA MAI	01/01/1975	*****83	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		003159
309	NGUYỄN THỊ THANH MAI	27/11/2006	*****02	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		002420
310	TRẦN HOÀNG NHẬT MAI	11/02/2003	*****44	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		005020
311	HỒ THỊ MAI	27/06/1992	*****35	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		003299
312	PHAN THỊ MAI	18/09/1981	*****27	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		002534
313	NGUYỄN THỊ MAI	03/12/1997	*****42	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003164
314	NGUYỄN VĂN MẠNH	26/07/1989	*****69	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x		005752
315	CHU QUANG MẠNH	27/10/2006	*****40	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004575
316	ĐÀO VĂN MẠNH	15/01/1991	*****65	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002948
317	NGUYỄN VĂN MẬU	10/03/1989	*****34	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007263
318	CAO THỊ THANH MINH	04/02/1994	*****34	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001814
319	NGUYỄN VĂN MINH	26/12/1966	*****50	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		001337
320	TRẦN MINH	30/01/1983	*****14	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002842
321	PHAN VĂN MINH	17/07/1998	*****65	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003822

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Sổ chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
322	HÀ THỊ MƠ	04/05/2002	*****50	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		002313
323	TRẦN THỊ MƠ	09/04/1995	*****43	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x		002877
324	PHẠM THỊ MƠ	20/07/1990	*****41	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00508
325	LÊ THỊ MỪNG	15/01/1992	*****87	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001355
326	LÊ THỊ TRÀ MY	23/08/1988	*****37	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003724
327	LƯU THỊ QUANG MỸ	18/04/1983	*****21	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		001535
328	ĐINH LÊ NA	18/09/2002	*****12	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002822
329	ĐÀO THỊ NA	06/07/1990	*****02	Xã Đại Lai, Tỉnh Bắc Ninh	x	A1	003529
330	ĐẶNG THỊ LÊ NA	27/10/1996	*****27	Phường Trần Phú, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	003260
331	HOÀNG HẢI NAM	16/12/2002	*****99	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003979
332	BÙI VĂN NAM	20/04/2000	*****19	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	006363
333	THÁI DOÃN NAM	01/06/1995	*****97	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		00153
334	NGUYỄN VĂN NAM	25/10/1993	*****33	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001026
335	NGUYỄN THỊ NAM	16/11/1995	*****37	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003167
336	LÊ THỊ NAM	23/08/1995	*****17	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003166
337	LÊ HOÀI NAM	24/07/1998	*****32	Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh	x		002364
338	PHẠM THỊ NGÀ	10/10/1985	*****81	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003049

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
339	HOÀNG THANH NGA	25/09/1984	*****10	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		00547
340	NGUYỄN THỊ NGA	29/12/1988	*****51	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		007816
341	TRƯƠNG THỊ QUỲNH NGA	16/06/1992	*****29	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003105
342	NGUYỄN THỊ NGÂN	20/10/1980	*****71	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		004838
343	NGUYỄN THỊ NGÂN	18/11/1996	*****93	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003304
344	ĐÀO THỊ KHÁNH NGỌC	01/06/2003	*****72	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		002844
345	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	27/01/1998	*****73	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001439
346	ĐẬU VĂN NGỌC	10/08/1994	*****11	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x		002235
347	VÕ THỊ NGỌC	11/10/2002	*****55	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	003106
348	HỒ NGHĨA NGỌC	02/06/1988	*****04	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003342
349	HỒ THỊ NGỌC	16/03/1995	*****13	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003168
350	HOÀNG VĂN NGỌC	12/10/1998	*****26	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		003460
351	BÙI VĂN NGỌC	16/09/1995	*****89	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003725
352	PHẠM HỒNG NGUYỄN	26/06/1980	*****62	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002259
353	ĐÀO THỊ NGUYỄN	10/02/1990	*****60	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003169
354	TRẦN THỊ MINH NGUYỆT	16/11/2003	*****55	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		003002
355	VŨ THỊ NHÃ	10/10/1989	*****89	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	007445

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
356	LÊ THỊ NHÂM	12/12/2002	*****48	Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	002824
357	NGUYỄN NGỌC NHÂN	02/05/1994	*****17	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001430
358	NGUYỄN THỊ NHÂN	08/10/1976	*****58	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006305
359	HOÀNG YẾN NHI	05/07/2003	*****12	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002415
360	HOÀNG THỊ YẾN NHI	22/01/2002	*****10	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003121
361	NGUYỄN THỊ MAI NHỎ	08/10/1989	*****06	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		001997
362	HỒ BÁ NHỎ	12/02/1995	*****64	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002253
363	NGUYỄN THỊ NHUNG	08/03/1990	*****34	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		001998
364	VÕ THỊ NHUNG	26/12/1974	*****55	Xã Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh	x		00133
365	PHAN THỊ NHUNG	19/07/1996	*****05	Xã Kim Hoa, Tỉnh Hà Tĩnh	x		003418
366	PHẠM THỊ NHUNG	05/10/1995	*****73	Xã Xuân Hòa, Tỉnh Đồng Nai	x	A1	003463
367	NGUYỄN QUỐC OAI	05/01/1984	*****50	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003244
368	NGUYỄN THỊ KIM OANH	30/01/2006	*****75	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003171
369	HỒ QUANG PHÚC	25/02/1995	*****85	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002201
370	NGUYỄN DOÃN PHÚC	10/09/1976	*****53	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		002879
371	NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG	27/06/1973	*****72	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		00386
372	HOÀNG VĂN PHƯƠNG	10/06/1987	*****39	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00438

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
373	TRẦN THỊ KHÁNH PHƯƠNG	14/02/2007	*****81	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		00604
374	HỒ THỊ PHƯƠNG	02/01/1987	*****87	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		003294
375	LÊ THỊ HOÀI PHƯƠNG	17/10/1997	*****91	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003172
376	TRẦN THỊ PHƯỢNG	20/06/1991	*****92	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001856
377	ĐINH THỊ PHƯỢNG	27/02/1990	*****83	Xã Văn Kiêu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002229
378	HOÀNG THỊ PHƯỢNG	30/04/1989	*****63	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001790
379	NGUYỄN PHÚC QUANG	02/08/1997	*****52	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002456
380	NGUYỄN VĂN QUANG	12/10/1990	*****42	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		003810
381	HÀ ANH QUANG	05/11/2001	*****26	Xã Quỳnh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002949
382	LÊ MINH QUANG	10/01/2002	*****35	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002950
383	NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	30/08/2007	*****40	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002741
384	NGUYỄN XUÂN QUÂN	13/11/2007	*****51	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003539
385	LÊ ĐĂNG TRUNG QUÂN	02/01/2003	*****83	Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	002900
386	NGUYỄN VĂN QUÝ	02/08/1971	*****35	Xã Văn Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		002628
387	LÊ NGỌC QUÝ	24/05/1994	*****83	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003727
388	NGUYỄN THỊ QUYÊN	30/03/2006	*****61	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001343
389	NGUYỄN THỊ QUYÊN	22/04/1975	*****25	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		002605

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
390	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	04/01/2003	*****01	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004188
391	TRỊNH XUÂN QUỲNH	19/12/1998	*****79	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001872
392	HỒ THỊ NHƯ QUỲNH	26/05/2002	*****32	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002427
393	TRẦN ÁNH QUỲNH	19/09/1999	*****97	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		001597
394	ĐẶNG THỊ NHƯ QUỲNH	12/02/2001	*****50	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		003008
395	TRẦN THỊ QUỲNH	05/05/1988	*****21	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x		002827
396	VŨ VĂN QUỲNH	15/04/1990	*****43	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003203
397	TRẦN THỊ QUỲNH	01/07/2003	*****63	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		
398	NGÔ QUỐC SANG	01/12/2000	*****68	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003548
399	NGUYỄN VĂN SÁNG	27/05/2006	*****26	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		003247
400	ĐẶNG SỸ SÁU	18/10/1964	*****88	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001169
401	NGUYỄN THỊ SÁU	01/01/1990	*****12	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		003108
402	PHAN THỊ SEN	02/02/1989	*****17	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002828
403	LÊ VĂN SƠN	02/09/1986	*****40	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003194
404	CAO KHẮC BẢO SƠN	16/06/2005	*****58	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006388
405	NGUYỄN VĂN SƠN	27/11/1993	*****66	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		007237
406	ĐẶNG XUÂN SƠN	25/08/1982	*****52	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		003464

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
407	NGUYỄN MINH SƯƠNG	08/10/2003	*****53	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003775
408	NGUYỄN VĂN SỸ	13/04/1989	*****66	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007359
409	HOÀNG VĂN SỸ	16/01/1985	*****37	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		001130
410	MAI KHẮC TÀI	05/07/1991	*****91	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002171
411	HỒ ANH TÀI	22/03/1990	*****00	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		00765
412	HOÀNG VĂN TÀI	19/03/1973	*****34	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002173
413	LÊ BÁ TÀI	01/01/2003	*****52	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		006936
414	NGUYỄN ĐỨC TÀI	15/04/1996	*****81	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		003568
415	NGUYỄN VĂN TÂM	17/01/1988	*****65	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006730
416	NGUYỄN THỊ TÂM	02/05/1995	*****80	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		003420
417	NGUYỄN THỊ HỒNG TÂM	04/04/1998	*****67	Phường Hải Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	003264
418	PHAN VĂN TÂN	17/12/1967	*****08	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001473
419	CHU VĂN TÂN	08/04/1984	*****34	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003249
420	CÙ ĐỨC TÂN	23/06/1977	*****41	Xã Sơn Kim 1, Tỉnh Hà Tĩnh	x		00767
421	ĐINH VĂN TIẾN	19/11/1995	*****48	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003741
422	TRẦN QUANG TIẾN	12/02/1996	*****73	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002954
423	PHAN THỊ TÌNH	16/10/1992	*****92	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x		003783

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
424	TRẦN ĐÌNH TÌNH	11/12/1995	*****03	Xã Thạch Khê, Tỉnh Hà Tĩnh	x		003542
425	NGUYỄN THỊ TOÀN	01/05/1974	*****00	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001858
426	NGÔ THỊ TOÀN	08/10/1991	*****90	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		001623
427	LÊ VĂN TOÀN	14/06/1991	*****97	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001661
428	TRẦN QUỐC TOÀN	21/09/2005	*****78	Xã Quảng Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	002336
429	NGUYỄN THỊ TOÀN	02/05/1993	*****29	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001828
430	LÊ NGỌC TOÀN	06/05/2005	*****21	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002437
431	NGUYỄN PHI TOÀN	10/08/1972	*****71	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003731
432	LÊ VĂN TỚI	19/04/1985	*****74	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x		006523
433	TRƯƠNG NGỌC TÚ	16/10/2004	*****00	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		002048
434	HOÀNG TUẤN TÚ	17/04/2007	*****36	Phường Nghi Phú, Tphường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		007820
435	NGUYỄN ANH TÚ	09/06/1995	*****80	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		004850
436	BÙI THỊ NGỌC TÚ	15/01/2000	*****73	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003114
437	PHAN CẨM TÚ	22/08/1997	*****00	Xã Gia Hanh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	002832
438	CAO THANH TÚ	17/11/1997	*****01	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003732
439	NGUYỄN ANH TÚ	01/02/1995	*****01	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		
440	ĐINH BẠT TUẤN	12/04/2004	*****86	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		002472

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
441	PHẠM VĂN TUẤN	04/05/2002	*****29	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001674
442	HỒ ANH TUẤN	05/02/2007	*****62	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	002721
443	BÙI THANH TUẤN	01/01/1984	*****59	Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x		007846
444	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	24/02/1995	*****15	Xã Hải Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002833
445	NGUYỄN ANH TUẤN	25/05/2005	*****06	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		001395
446	NGUYỄN VĂN TUẤN	11/01/1986	*****17	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		002904
447	TRẦN VĂN TUẤN	02/07/1991	*****77	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002905
448	NGÔ ĐỨC TUẤN	08/03/1991	*****20	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002957
449	HỒ VIỆT TÙNG	19/05/1993	*****10	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002906
450	CAO TRỌNG TUYẾN	06/05/1990	*****03	Xã Hải Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002085
451	BÙI THỊ TUYẾN	10/10/1991	*****62	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002834
452	NGUYỄN TIẾN THÁI	26/09/1995	*****14	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		002952
453	NGUYỄN THỊ THANH	20/01/1983	*****72	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001857
454	LÊ THỊ THANH	20/07/2000	*****89	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001575
455	NGUYỄN HỮU THÀNH	17/10/1985	*****62	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		002044
456	PHAN CÔNG THÀNH	07/02/1992	*****48	Xã Quỳ Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003036
457	NGUYỄN VĂN THÀNH	17/10/1980	*****37	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		003832

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
458	TRẦN VĂN THÀNH	02/10/1985	*****42	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		003728
459	NGUYỄN VĂN THÀNH	14/11/2006	*****32	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002463
460	NGUYỄN THỊ THẢO	13/08/1995	*****89	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003122
461	PHAN THỊ THẢO	08/02/1994	*****71	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003175
462	NGUYỄN THỊ THẢO	28/08/1999	*****79	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003174
463	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	20/08/1993	*****24	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x		002883
464	HỒ THỊ THẢO	19/03/1987	*****50	Phường Hưng Lộc, Tp. Phường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006386
465	NGUYỄN THỊ THẨM	28/11/1994	*****33	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002184
466	HỒ THỊ THẨM	01/09/1984	*****01	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002163
467	CHU THỊ THẨM	03/06/1992	*****64	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003109
468	NGUYỄN THỊ THẨM	18/11/1985	*****05	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003173
469	HÀ CHIẾN THẮNG	22/03/1982	*****77	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002734
470	HOÀNG NGỌC THẮNG	10/12/1972	*****35	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		002724
471	TRẦN VĂN THẮNG	12/09/1995	*****40	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		006355
472	NGUYỄN QUỐC THẮNG	06/03/1982	*****25	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		00790
473	TRƯƠNG MINH THẮNG	23/08/2005	*****77	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		003000
474	ĐẶNG NGỌC THẮNG	05/10/2006	*****20	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001436

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
475	HOÀNG VĂN THẮNG	11/01/1994	*****98	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002260
476	LÊ VĂN THÂN	14/07/1997	*****43	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001807
477	NGUYỄN CẢNH THẬP	05/08/1983	*****71	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003250
478	LÊ THỊ THỂ	13/09/1983	*****07	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003833
479	NGUYỄN ĐÌNH THỂ	10/10/1975	*****91	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x		003397
480	TRẦN ĐÌNH THI	01/04/1986	*****27	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		003541
481	HỒ TRỌNG THI	05/08/1995	*****23	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x		003825
482	DƯƠNG PHÚC THIỆN	06/06/2006	*****65	Phường Hưng Lộc, Tphường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		00916
483	TRẦN THỊ THÌN	15/07/1976	*****76	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		0066
484	LÊ VĂN THỊNH	04/10/1998	*****16	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007083
485	HOÀNG VĂN THỌ	04/12/1981	*****69	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		002001
486	LÊ HỒNG THỌ	27/11/1974	*****04	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003729
487	TRẦN THỊ THOA	07/09/1973	*****94	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		002355
488	ĐÀO THỊ THỎA	01/07/1992	*****34	Xã Anh Sơn Đông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001432
489	VI VĂN THOAN	05/09/1982	*****69	Xã Mường Ham, Tỉnh Nghệ An	x		001840
490	CHU THỊ TRUNG THU	10/10/1979	*****39	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		004411
491	LÊ THỊ THU	27/02/1994	*****73	Xã Trường Lâm, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	003145

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
492	HÀ HUY THUẦN	19/09/1992	*****05	Xã Anh Sơn Đông, Tỉnh Nghệ An	x		003730
493	NGUYỄN THẾ THUẦN	10/10/1972	*****27	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		003842
494	NGÔ THỊ THÙY	23/09/1996	*****33	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001779
495	HOÀNG THỊ THÙY	14/04/1991	*****71	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001576
496	NGUYỄN THỊ THỦY	25/03/1986	*****15	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		002003
497	NGUYỄN THỊ THỦY	12/08/1994	*****21	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		002335
498	TRẦN VĂN THỦY	16/10/1992	*****37	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x		007355
499	TRƯỜNG THỊ THỦY	04/05/1979	*****65	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003112
500	ĐẬU THỊ THỦY	01/04/1991	*****72	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x		003111
501	NGUYỄN THỊ THỦY	14/10/1994	*****26	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003125
502	BÙI THỊ THỦY	26/08/1997	*****57	Xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	003778
503	PHAN THỊ THỦY	13/08/1992	*****76	Phường Bình Hòa, Thành Phố Hồ Chí Minh	x		003126
504	THÁI THỊ THỦY	25/08/1985	*****24	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003176
505	TRẦN VĂN THỦY	20/04/1987	*****58	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003815
506	LÊ VĂN THỦY	15/02/1980	*****80	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	001973
507	NGUYỄN THỊ THÚY	12/07/1993	*****06	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003146
508	NGUYỄN VĂN THUYỀN	07/05/1999	*****79	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001158

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
509	PHAN THỊ THUYỀN	29/04/1994	*****14	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002831
510	LÊ VĂN THUYẾT	10/10/1976	*****40	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003804
511	NGÔ THỊ THU	18/04/2001	*****42	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001621
512	VÕ THỊ HOÀI THU	19/03/1993	*****40	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003782
513	CAO VĂN THỰC	18/01/1993	*****94	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003569
514	NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	12/04/2004	*****69	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		001873
515	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	02/08/1996	*****38	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		002201
516	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	06/07/1995	*****20	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002333
517	NGUYỄN THỊ HÀ THƯƠNG	13/11/2004	*****10	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		005694
518	ĐINH THỊ THƯƠNG	21/08/1980	*****21	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003110
519	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	17/08/1991	*****68	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003675
520	TRẦN TRUNG THƯỜNG	24/07/1989	*****84	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002228
521	ĐẶNG THỊ TRÀ	16/12/1996	*****35	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		002337
522	THÁI THỊ THANH TRÀ	01/06/2007	*****77	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		005728
523	THÁI THỊ TRÀ	15/01/1997	*****34	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003177
524	NGUYỄN THỊ TRÀ	10/02/1982	*****94	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		005106
525	HOÀNG THỊ THU TRANG	05/07/1999	*****64	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		002170

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
526	HỒ THỊ TRANG	07/07/1993	*****17	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x		002004
527	VÕ THỊ THU TRANG	23/08/2001	*****46	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006790
528	CAO THỊ QUỲNH TRANG	19/11/2001	*****89	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	003113
529	LÊ THỊ THÙY TRANG	22/05/1996	*****30	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003127
530	TRẦN THỊ TRANG	07/07/1987	*****72	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003678
531	HOÀNG THÙY TRANG	04/07/2006	*****16	Phường Tự Lạn, Tỉnh Bắc Ninh	x	A1	006759
532	PHAN VĂN TRẮNG	26/07/1990	*****51	Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005619
533	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	27/07/1997	*****39	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003784
534	ĐINH HUYỀN TRÂN	07/07/2007	*****87	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		002164
535	BÙI THỊ TRI	15/11/1980	*****94	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		001300
536	PHAN ĐỨC TRÌ	07/03/1992	*****18	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003553
537	MAI THỊ TRÍ	06/11/1981	*****39	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00232
538	HỒ NGHĨA TRÍ	01/10/1971	*****91	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		00461
539	TRẦN HỮU DUY TRIẾT	26/06/2007	*****30	Xã Nam Giang, H. Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		007822
540	PHAN THỊ PHƯƠNG TRINH	24/12/1998	*****77	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		002853
541	NGUYỄN VĂN TRUNG	24/09/1998	*****01	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007895
542	CAO VĂN TRUNG	25/08/2003	*****63	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007245

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
543	TẠ VIỆT TRUNG	29/01/2007	*****65	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		006019
544	NGUYỄN HỮU TRUNG	12/02/2003	*****79	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003316
545	HOÀNG MINH TRUNG	13/06/2007	*****64	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001403
546	NGUYỄN BÁ TRUNG	23/03/1997	*****69	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003538
547	HỒ VĂN TRUNG	28/08/1985	*****80	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003570
548	HOÀNG VĂN TRƯỜNG	29/06/1992	*****99	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003253
549	LANG MẠNH TRƯỜNG	29/02/1992	*****96	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x		003216
550	NGÔ VĂN TRƯỜNG	10/10/1986	*****38	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003128
551	VÕ VĂN TRƯỜNG	16/10/1971	*****57	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		002884
552	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG	14/10/1994	*****65	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		002743
553	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	15/02/1999	*****70	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002955
554	CAO HỒ TỔ UYÊN	29/10/2007	*****79	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001947
555	THÁI THỊ VĂN	25/10/1973	*****62	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003180
556	NGUYỄN THỊ VÂN	20/11/1995	*****39	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002358
557	VŨ THỊ VÂN	12/06/1988	*****95	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007193
558	CHU THẢO VÂN	03/12/1999	*****09	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002632
559	PHẠM THỊ VÂN	23/06/1977	*****92	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		007490

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
560	BÙI KHÁNH VÂN	27/05/2007	*****43	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		004811
561	NGUYỄN THỊ VÂN	05/09/1985	*****02	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x		003317
562	HOÀNG THỊ VÂN	20/06/1997	*****19	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003785
563	NGUYỄN ĐỨC VÂN	19/05/1969	*****35	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x		002636
564	LÊ THỊ VI	05/11/1971	*****09	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		002567
565	LƯ QUANG VIỆT	17/11/1976	*****98	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002687
566	LÊ VĂN VIỆT	27/06/1983	*****74	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002886
567	TRẦN QUỐC VIỆT	19/03/2007	*****74	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		007949
568	HOÀNG VĂN VIỆT	02/09/1986	*****66	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003212
569	NGUYỄN TRỌNG VINH	21/10/1983	*****38	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003213
570	ĐÀO TRỌNG VŨ	02/11/2004	*****51	Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x		006374
571	NGUYỄN TUẤN VŨ	06/10/1990	*****88	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003559
572	HỒ XUÂN VƯƠNG	07/07/1997	*****21	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002738
573	NGUYỄN ĐÌNH VƯƠNG	28/01/2002	*****42	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A.01	002856
574	BÙI VĂN VƯỢNG	01/07/1977	*****37	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		003115
575	TRẦN ĐÌNH Ý	26/09/1997	*****08	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003834
576	NGUYỄN NHƯ Ý	05/07/2004	*****09	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002958

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
577	LÊ THỊ HẢI YẾN	02/12/2004	*****77	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x		002439